

Số: **15** /2022/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **28** tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục
trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BẢY

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục
phổ thông công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính
phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống
giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá
dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 1012/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định các khoản thu dịch
vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa*

bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 207/BC-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập).

2. Đối tượng áp dụng

- a) Trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là học sinh).
- b) Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.
- c) Các sở, ngành, địa phương, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện, cơ chế thu, quản lý và sử dụng các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ giáo dục

Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục là các khoản thu thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục với cha mẹ học sinh; các cơ sở giáo dục phải xây dựng kế hoạch thu, chi cụ thể; thực hiện thu đúng, thu đủ chi, sử dụng đúng mục đích; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, dân chủ, công khai, minh bạch.

Căn cứ vào điều kiện kinh tế của gia đình học sinh, cơ sở giáo dục thỏa thuận với cha, mẹ học sinh về mức thu, chi cụ thể nhưng không được vượt quá mức thu quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Quy định danh mục các khoản thu, mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Stt	Nội dung các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Các khoản thu phục vụ cho toàn bộ học sinh trong trường			
1	Tiền nước uống: Nước đun sôi hoặc nước tinh khiết.	đồng/học sinh/tháng	6.000	

Stt	Nội dung các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
2	Tiền dịch vụ dọn dẹp nhà vệ sinh, trường lớp học			
a	Cấp Mầm non.	đồng/học sinh/tháng	10.000	
b	Cấp Tiểu học.			
3	Tiền vật tư, hóa phẩm vệ sinh.			
a	Cấp Trung học cơ sở.	đồng/học sinh/tháng	2.000	
b	Cấp Trung học phổ thông.			
4	Tiền photo copy, phục vụ học tập kiểm tra, thi thử.			
a	Cấp Tiểu học.	đồng/học sinh/năm học	30.000	
b	Cấp Trung học cơ sở.	đồng/học sinh/năm học	50.000	
c	Cấp Trung học phổ thông; Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.	đồng/học sinh/năm học	70.000	
II	Các khoản thu theo nhu cầu sử dụng các dịch vụ của học sinh trong trường <i>(học sinh có nhu cầu sử dụng mới phải nộp)</i>			
1	Tiền phục vụ sinh hoạt đối với học sinh ăn, ở trường buổi trưa, tối về nhà			
a	Tiền ăn trưa đối với trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.	đồng/học sinh/ngày	20.000	Mức thu này không áp dụng đối với học sinh thuộc đối tượng đang được hưởng chính sách hỗ trợ của Chính phủ và chính sách đặc thù của địa phương.
b	Tiền thuê người nấu ăn.	đồng/học sinh/tháng	50.000	
c	Tiền trực các hoạt động ngoài giờ hành chính đối với trẻ em mầm non, học sinh tiểu học.	đồng/học sinh/ngày	4.000	Khoản thu này không được thỏa thuận thực hiện đối với học sinh đang được hưởng chính sách hỗ trợ của Chính phủ và chính sách đặc thù của địa phương.

Stt	Nội dung các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
2	Tiền điện, nước sinh hoạt phục vụ cho học sinh ăn, ở trường buổi trưa.			
	Đối với cơ sở giáo dục đã tách đồng hồ đo mức tiêu thụ điện, nước khu sinh hoạt học tập của học sinh.	đồng/học sinh/tháng	<i>Thu theo hóa đơn thực tế/số học sinh sử dụng</i>	Không áp dụng đối với học sinh thuộc đối tượng đang được hưởng chính sách hỗ trợ của Chính phủ và chính sách đặc thù của địa phương.
3	Tiền dạy thêm, học thêm tại trường.			
a	Các môn văn hóa (trừ trẻ em mầm non, học sinh tiểu học), kỹ năng sống, kỹ năng quản lý tài chính hướng nghiệp, khởi nghiệp.	đồng/học sinh/tiết	10.000	Thời gian đối với 1 môn học không quá: 03 tiết/ngày, 06 tiết/tuần và 24 tiết/tháng.
b	Môn học tự chọn: - Làm quen với Tiếng Anh cho học sinh mẫu giáo. - Cấp Tiểu học: Ngoại ngữ (Tiếng Anh lớp 1,2). - Cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông: Ngoại ngữ 2 (Tiếng: Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga...), Tiếng dân tộc.	đồng/học sinh/tiết	12.000	Theo nhu cầu.
c	Học ngoại ngữ do giáo viên người nước ngoài dạy.	đồng/học sinh/tiết	25.000	Theo nhu cầu.
4	Tiền mua đồ dùng phục vụ bán trú.			
a	Trang bị năm học đầu cấp.	đồng/học sinh/năm học	120.000	Không áp dụng đối với học sinh thuộc đối tượng đang được hưởng chính sách hỗ trợ của Chính phủ và chính sách đặc thù của địa phương.
b	Trang bị năm học tiếp theo (nếu có).	Từ năm thứ hai trở đi nếu phải thu bổ sung bù đắp thiếu hụt thì thu không quá 30% mức thu năm đầu cấp.		

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ